UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 11 tháng 7 năm 2022

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH

Ngày thi: 10/7/2022

TT	Mã SV	Họ lót	tên	Ngày sinh	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
1	209900V712	Đỗ Thị Như	Băng	15.05.1992	7,0	5,0	4,0	6,5	5,5	
2	207900T700	Nguyễn Thị	Chinh	30.11.1997	7,5	4,0	5,5	6,5	6,0	
3	207900C776	Hà Thị Thanh	Dung	28.01.1996	7,0	5,5	4,5	6,0	6,0	
4	207900C785	Hồ Thị	Dung	18.06.1995	7,5	4,0	4,5	6,5	5,5	
5	207900T701	Nguyễn Thị Kim	Dung	18.04.1985	7,0	5,0	2,0	7,0	5,5	
6	207900C786	Hoàng Thị	Hà	08.10.1996	6,5	5,0	3,5	6,0	5,5	
7	207900C787	Lộc Thị	Hiền	22.04.1995	6,0	4,0	3,5	6,0	5,0	
8	209900V714	Phạm Hoa	Hồng	11.06.1992	5,5	5,0	5,0	7,0	5,5	
9	207900C780	Ngô Thị	Huyền	15.11.1996	5,5	5,5	4,0	6,0	5,5	
10	209900V716	Nguyễn Thị Lan	Hương	08.01.1991	6,0	6,5	5,0	6,0	6,0	
11	207900C781	Nguyễn Mỹ	Linh	13.11.1993	8,0	7,5	7,5	7,5	7,5	
12	207900C783	Nguyễn Thanh	Nhạn	05.02.1999	6,5	4,0	3,0	7,0	5,0	
13	209900V718	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	14.08.1990	5,5	5,0	4,0	6,0	5,0	
14	207900C784	Hoàng Thị	Phương	08.11.1994	7,0	4,0	2,0	7,0	5,0	
15	207900C791	Trần Ngọc Mai	Phương	14.09.1992	6,5	7,0	4,0	7,5	6,5	
16	209900V719	Nguyễn Thị Linh	Phương	26.09.1993	7,0	5,5	3,5	6,5	5,5	
17	207900C512	Phạm Thị Hồng	Anh	02.02.1993	6,0	4,0	4,0	7,0	5,5	
18	217900D568	Nguyễn Thị Quỳnh	Châu	20.06.1997	7,0	7,5	9,0	8,0	8,0	
19	217900D569	Nguyễn Thị Anh	Duyên	10.11.1997	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng
20	217900D570	Dương Thị	Hà	25.02.1997	6,5	2,5	5,5	6,5	5,5	
21	217900D573	Nguyễn Thị	Hoan	16.10.1996	7,0	6,0	3,5	6,0	5,5	
22	217900D574	Nguyễn Thị	Hòe	26.02.1995	6,5	4,0	4,5	6,5	5,5	
23	217900D575	Đinh Bích	Huệ	12.02.1993	6,5	5,0	6,0	7,5	6,5	
24	217900D576	Trần Thị	Huyền	01.03.1997	7,0	7,5	4,5	7,5	6,5	
25	217900D577	Hoàng Thị	Hương	11.08.1996	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng
26	217900D578	Nguyễn Thị	Hương	08.03.1992	6,0	5,0	4,0	6,0	5,5	
27	217900D579	Nguyễn Thị Lan	Hương	05.12.1995	7,5	4,5	3,5	7,5	6,0	
28	217900D580	Nguyễn Thị	Lê	13.02.1997	7,0	6,0	3,0	8,0	6,0	
29	217900D581	Quách Thị	Mai	19.04.1997	7,5	5,5	4,0	7,0	6,0	
30	217900D582	Nguyễn Thị	Ngân	15.08.1996	7,0	7,5	4,0	6,5	6,5	
31	217900D583	Trần Thị	Như	28.02.1995	7,0	6,0	6,0	7,5	6,5	
32	217900D584	Đoàn Minh	Phương	20.12.1996	7,0	8,5	3,0	7,5	6,5	
33	217900D585	Phạm Thị Thu	Phượng	26.08.1989	7,5	4,0	1,5	7,5	5,0	
34	217900D588	Phạm Thị	Thêm	08.02.1995	6,0	6,0	3,5	6,0	5,5	
35	217900D589	Ngô Thị	Thơ	26.05.1993	7,0	5,5	3,5	6,5	5,5	
36	217900D590	Trần Thị Thu	Trang	22.10.1991	7,0	4,0	3,0	6,5	5,0	
37	217900D591	Hoa Huyền	Trang	02.11.1994	7,0	6,5	5,5	7,0	6,5	

TT	Mã SV	Họ lót	tên	Ngày sinh	Viết	Đọc	Nghe	Nói	TB	Ghi chú
38	217900D592	Trần Thị Thùy	Trang	26.02.1998	7,0	6,0	3,5	7,0	6,0	
39	217900D594	Nguyễn Thị	Vi	05.09.1991	7,5	5,5	4,5	5,5	6,0	
40	217900C554	Phạm Thị Vân	Anh	21.09.1998	7,0	3,0	3,0	5,0	4,5	
41	217900C555	Nguyễn Lê Hải	Anh	04.03.1997	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng
42	217900C556	Nguyễn Thị Mai	Anh	11.06.1996	7,5	5,5	3,5	4,5	5,5	
43	217900C557	Nguyễn Lan	Dung	19.09.1992	7,5	6,5	3,5	6,0	6,0	
44	217900C558	Nguyễn Ngọc	Đức	21.09.1999	7,0	5,5	4,0	7,0	6,0	
45	217900C559	Trần Thị	Hà	01.08.1998	7,5	5,0	2,5	4,5	5,0	
46	217900C560	Nguyễn Thị Thu	Hà	18.02.1992	6,5	4,0	4,5	5,5	5,0	
47	217900C561	Nguyễn Văn	Hào	02.01.1999	7,0	4,0	2,0	5,0	4,5	
48	217900C562	Ngô Thị	Hảo	20.10.1997	7,0	3,5	5,5	5,5	5,5	
49	217900C563	Vũ Lê	Hằng	03.01.1995	6,5	6,5	4,5	4,5	5,5	
50	217900C565	Vi Thị	Hồng	10.08.1998	7,0	3,5	3,5	4,5	4,5	
51	217900C566	Vũ Thị	Huế	03.06.1994	3,5	3,0	1,5	7,0	4,0	
52	217900C567	Đào Thị	Huyền	27.08.1995	6,5	4,0	4,5	4,5	5,0	
53	217900C569	Vũ Thị	Liên	15.12.1997	4,5	4,5	3,0	5,5	4,5	
54	217900C571	Nguyễn Thị	Mai	13.11.1989	6,5	5,5	3,5	5,5	5,5	
55	217900C572	Trần Thị	Mát	21.05.1990	7,5	6,5	4,0	5,0	6,0	
56	217900C573	Vũ Thị	Miền	04.11.1995	7,0	6,0	5,5	5,0	6,0	
57	217900C575	Đào Thị	Ngọt	29.10.1996	7,0	4,0	2,0	6,0	5,0	
58	217900C576	Nguyễn Thị	Nhật	06.04.1997	3,5	4,0	3,0	5,0	4,0	
59	217900C577	Vũ Thị	Thảo	10.10.1997	7,0	5,0	2,5	5,0	5,0	
60	217900C578	Cao Thanh	Thảo	08.05.1983	6,5	4,5	3,5	6,5	5,5	
61	217900C579	Dương Minh	Thảo	05.09.1996	4,0	4,0	1,5	5,5	4,0	
62	217900C580	Bạch Hà	Trang	17.07.1997	6,5	3,5	4,5	4,5	5,0	
63	217900C581	Nguyễn Thị	Trang	26.06.1997	6,5	4,5	3,5	6,0	5,0	
64	217900C582	Phạm Thị Thu	Trang	01.02.1996	6,5	5,5	5,0	7,5	6,0	
65	217900T511	Nguyễn Thùy	Chi	10.10.1997	6,5	6,0	6,5	6,5	6,5	
66	217900T512	Đỗ Thị	Dung	07.03.1987	7,0	5,5	3,0	6,5	5,5	
67	217900T513	Phùng Thị	Dung	02.09.1992	7,0	7,0	4,5	7,0	6,5	
68	217900T515	Lương Thị Hồng	Nhung	29.11.1997	6,5	4,5	4,0	5,5	5,0	
69	217900T516	Nguyễn Thị	Thảo	03.07.1989	6,5	5,5	4,0	5,0	5,5	
70	217900T517	Hoàng Thị	Uyên	22.11.1991	7,5	7,0	6,0	7,0	7,0	
71	217900D593	Trần Thị Thảo	Vân	31.03.1996	6,5	5,5	4,5	7,0	6,0	
72	209900V042	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	01.02.1980	7,0	6,5	3,5	6,0	6,0	
73	189701V535	Lê Thị	Xa	01.03.1981	7,5	10,0	10,0	9,0	9,0	

KT. TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO
PHÓ TRƯỞNG BAN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Lê Hoàng Bá Huyền

THƯ KÝ BAN CHỈ ĐẠO

Lê Đình Nghiệp